

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2023/HSST  
Ngày 23-10-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Dệt và ông Nguyễn Bá Lý.

**- Thư ký phiên tòa:**

Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:**

Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 158/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo:

**Trần T**, sinh năm 1997 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Số nhà 35, đường C, tổ 5, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đ và bà: Nguyễn Th; chưa có vợ; có 01 tiền án: Ngày 04-8-2020, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24-10-2021; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14-6-2023, sau đó bị tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Qua mối quan hệ xã hội, T biết người thanh niên tên Ân có bán ma túy nên T và Ân thỏa thuận việc mua bán ma túy. Vào khoảng 16 giờ ngày 14-6-2023, tại trước khu vực nhà số 35 đường C, tổ 05, phường Đ, thành phố P, T đã mua 03 gói nilon chứa ma túy đá với giá 300.000 đồng của đối tượng tên Ân. Sau khi mua được ma túy, T đem ma túy vào phòng ngủ của mình rồi lấy một ít ra sử dụng, số còn lại cất giấu dưới nệm, nhằm mục đích để sử dụng dần. Đến 18 giờ cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phối hợp với Cơ quan Cảnh

sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Gia Lai, kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang Trần T đang cất giấu ở dưới nệm trong phòng ngủ của T gồm: 03 gói nilon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Cơ quan Điều tra đã thu giữ và niêm phong vật chứng, lập biên bản phạm tội quả tang theo quy định; thu giữ của T 01 điện thoại di động hiệu Nokia, kèm thẻ sim; mặt sau sim có dãy số: 8984048000074311473.

Kết luận giám định số: 559/KLGD ngày 23-6-2023 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Toàn bộ chất màu trắng dạng tinh thể trong 03 (ba) gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,3186 gam”*.

Cáo trạng số: 178/CT-VKS, ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố Trần T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng; và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Trần T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; các Điều: 38, 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần T: Từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; tịch thu và tiêu hủy khối lượng ma túy còn lại sau giám định; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia đã qua sử dụng, kèm sim số. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo pháp luật tố tụng hình sự. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo cung cấp đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 16 giờ ngày 14-6-2023, Trần T đã mua của đối tượng tên Ân 03 gói nilon, bên trong đều chứa chất màu trắng dạng tinh thể, với giá 300.000 đồng, tại khu vực trước số nhà 35 đường C, tổ 05, phường Đ, thành phố P. Sau đó T đem số ma túy nêu trên vào phòng ngủ của mình và đã sử dụng một ít; số ma túy còn lại, T cất giấu dưới nệm nhằm mục đích để sử dụng dần thì bị lực lượng điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố P bắt quả tang và thu giữ cùng vật chứng vào lúc 18 giờ ngày 14-6-2023. Qua giám định, đã xác định được chất

màu trắng dạng tinh thể trong 03 gói nilon mà T cất giấu dưới nệm là loại ma túy Methamphetamine có tổng khối lượng là 0,3186 gam.

[3] Khi thực hiện hành vi tàng trữ ma túy, Trần T có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm gia tăng tệ nạn xã hội tại địa phương.

Từ những nhận định tại các luận điểm [1] đến [3] như đã nêu trên đã có đủ căn cứ tuyên bố Trần T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần T không bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng nên bị xét xử ở điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Nhưng bị cáo đã bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Với tính chất của vụ án và các tình tiết về nhân thân của bị cáo như đã phân tích ở các luận điểm từ [3] đến [4] như đã nêu trên, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; phù hợp với nhận định, đánh giá của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay. Việc áp dụng hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, giáo dục, nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng, khối lượng không lớn, bị cáo không có tài sản riêng.

[5] Xử lý vật chứng:

Khối lượng ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên tuyên tịch thu và tiêu hủy.

01 điện thoại hiệu Nokia và sim số là tài sản của bị cáo nhưng không sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xem xét hành vi có liên quan: Quá trình điều tra vụ án không xác định được nhân thân của đối tượng tên Ân đã bán ma túy cho bị cáo Trần T. Do đó, chưa có căn cứ để xử lý đối tượng tên Ân.

***Vì các lẽ trên,***

**QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố Trần T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều: 38, 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Trần T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 14-6-2023.

-Căn cứ vào các điểm: a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy các vật chứng sau đây: Khối lượng ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định được đựng trong 01(một) bì công văn dán kín ghi số: 559/PC09 ngày 23-6-2023 có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Trả lại cho bị cáo Trần T 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong) kèm theo sim số, mặt sau sim có dãy số: 8984048000074311473.

Vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19-10-2023, giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

-Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

-Căn cứ vào các Điều: 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Báo cho: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 23 tháng 10 năm 2023.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. P;
- Công an thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS TP.P;
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Bị cáo Trần T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thường**